

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHONG  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/10/2019

V/v “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Trần Thị Ngọc Linh

2. Bà Thái Thị Dung

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:*** Ông Lư Ngọc Quý- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 263/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2019/QĐST-DS, ngày 30/9/2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Ái N**, sinh năm 1984

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông **Đặng Minh K**, sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn V, xã V1, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Ái N trình bày: bà và ông Đặng Minh K xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau. Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng. Sau khi cưới vợ chồng bà có đến UBND thị trấn L để đăng ký kết hôn.

Sau khi xác lập quan hệ, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ bà tại L. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông K có tính hay ghen nên thường xuyên đánh đập bà. Vì không chịu đựng được việc ông K đánh đập vô cớ nên năm 2009 bà có làm đơn xin ly hôn nhưng gia đình không đồng ý nên bà rút đơn về và tiếp tục sống chung với ông K. Nhưng ông K vẫn không thay đổi tính tình, đi làm thì ông K đến quây phá không cho làm mà chỉ muốn bà ở nhà, vì các con nên bà cũng bỏ qua.

Năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà làm đơn ly hôn, ông K viết cam kết sẽ thay đổi nên bà đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, vài tháng sau ông K tiếp tục đánh đập bà. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông K không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn nên bà làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Minh K.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung Đặng Trần Nhật K1 – sinh ngày 18/9/2004, Đặng Trần Nhật T1 – sinh ngày 10/7/2012 và Đặng Trần Nhật Q – sinh ngày 10/7/2012. Hiện các con đang sống cùng bà, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Đặng Minh K: theo biên bản xác minh tại thôn V, xã V1, huyện T thì ông Đặng Minh K có hộ khẩu tại thôn V, xã V1, huyện T, ông K thường xuyên đi về nhà cha mẹ tại V1 nhưng về lúc nào thì địa phương không rõ, Tòa án và đại diện địa phương có đến nhà cha mẹ của ông K nhưng hiện nay ông K không có mặt tại gia đình. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Đặng Minh K theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông K vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Ái N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Đặng Minh K hiện có mặt tại địa phương nhưng ông K không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: ông Đặng Minh K có nơi cư trú tại thôn V, xã V1, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị Ái N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã xác định địa chỉ của ông K đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Đặng Minh K, do ông K vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về nội dung vụ án: hôn nhân giữa bà Trần Thị Ái N và ông Đặng Minh K được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống do ông K có tính hay ghen nên thường xuyên đánh đập bà N, bà N đã nhiều lần tha thứ để vợ chồng hàn gắn nhưng ông K không thay đổi tính tình. Từ năm 2018 đến nay đời sống hôn nhân giữa bà N và ông K không hạnh phúc. Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà N và ông K không thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông K.

[3] Về con chung: vợ chồng có 03 con chung Đặng Trần Nhật K1 – sinh ngày 18/9/2004, Đặng Trần Nhật T1 – sinh ngày 10/7/2012 và Đặng Trần Nhật Q – sinh ngày 10/7/2012. Hiện các con đang ở với bà và có nguyện vọng được ở với mẹ.

Hội đồng xét xử nhận thấy các cháu đã trên 7 tuổi, việc giao các cháu cho người trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét đến nguyện vọng của các cháu, nên giao cho bà N là người tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con đến khi trưởng thành.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà N là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ái N đối với ông Đặng Minh K. Bà N được ly hôn với ông K.

3/ Về con chung: giao cho bà Trần Thị Ái N tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Đặng Trần Nhật K1 – sinh ngày 18/9/2004, Đặng Trần Nhật T1 – sinh ngày 10/7/2012 và Đặng Trần Nhật Q – sinh ngày 10/7/2012 cho đến khi các con trưởng thành. Bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Bà N không được ngăn cản ông K quyền thăm con, chăm sóc và giáo dục con chung.

4/ Về án phí: bà Trần Thị Ái N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0026153 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà N đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/10/2019), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện ;
- UBND tt Liên Hương;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Thanh Nữ Kiều Oanh**